TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 364/2019/HC-PT	
Ngày 14 tháng 6 năm 2019	
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về trường hợp bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2018/TLPT-HC ngày 10 tháng 9 năm 2018 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về trường hợp bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 873/2018/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1904/2018/QĐPT-HC ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Đỗ Đức H, sinh 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 220/2/41 Khu phố 3C, đường TL19, phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Kim Đ, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 50/17/3 Lò Lu, khu phố PH, phường TT, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2016).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân quận BT (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 6 PĐL, Phường 14, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Ph, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT (theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2016 và ngày 27/12/2018 -vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Phạm Ngọc Ph, sinh năm 1960 (có mặt).

Chức vụ: Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận BT.

2. Ông Phan Ngọc Anh H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Chức vụ: Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận BT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Thu H1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

2. Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1986 (vắngmặt).

Cùng địa chỉ: Số 220/2/41 Khu phố 3C, đường TL19, phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 23/02/2010, UBND quận BT ban hành Quyết định số 1578/QĐ-UBND về việc thu hồi khu đất với diện tích 110,7m^2 thuộc thửa 02, tờ Bản đồ 88, Phường 22 tọa lạc tại số 102 đường PM (số cũ: 5K NTT) và Quyết định số 1579/QĐ-UBND kèm Phiếu chiết tính ngày 27/01/2010 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đỗ Đức H – bà Nguyễn Thị H2 như sau: Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 1.506.694.000 đồng, gồm: 6.625.500 đồng (đất lấn đường theo tài liệu 299/TTg); 874.566.000 đồng (Đất nằm trong quyết định được cấp); 389.579.900 đồng (Đất lấn chiếm). Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và vật kiến trúc: 225.923.100 đồng. Giá trị bồi thường tài sản khác: 3.000.000 đồng. Chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ ổn định đời sống cho 4 nhân khẩu: 4.000.000 đồng. Hỗ trợ chi phí di chuyển đối với nhà cấp 3: 3.000.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định 1579/QĐ-UBND, ông H khiếu nại và ngày 27/11/2012, UBND quận BT ban hành Quyết định số 7859/QĐ-UBND về việc bổ sung Điều 1 của Quyết định 1579/QĐ-UBND, như sau: Bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cấu trúc đối với hộ ông H, bà H2 về việc giải tỏa toàn phần căn nhà với số tiền 18.366.920 đồng. Ngày 18/03/2016, Chủ tịch UBND quận BT ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1356/QĐ-UBND, có nội dung chấp

nhận một phần khiếu nại của ông H về phần tiền thưởng bàn giao mặt bằng và không công nhận các nội dung khiếu nại còn lại của ông H.

Ông H cho rằng: Ông được giao đất làm nhà ở với diện tích 39,6m^2 tại khu Cư xá CL dãy trước lô 5K, đường NTT theo Quyết định 77/QĐ ngày 29/6/1991 của Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên hiệp BS (XNLH BS). Ngày 19/8/1999, ông H và bà H2 đã đăng ký kê khai nhà, đất với diện tích khuôn viên 130m^2 ; diện tích xây dựng 120m^2 ; tổng diện tích sàn xây dựng 120m^2. Tại Văn bản 946/CV-BS ngày 09/9/2005 và Văn bản số 23/BS-HC ngày 14/01/2010 của XNLH BS có nội dung: Xí nghiệp BS đã bố trí dãy K, cư xá CL làm khu gia đình và cấp đất cho 8 hộ gia đình cán bộ công nhân viên để xây dựng nhà ở. Khu đất này nằm ngoài khu quy hoạch đất an ninh quốc phòng mà Xí nghiệp đã đăng ký và xin cấp giấy, Xí nghiệp không có nhu cầu sử dụng.

Như vậy, gia đình ông H đã sử dụng đất ổn định từ năm 1991 cho đến nay, không có tranh chấp, không bị xử phạt về hành vi lấn chiếm đất hay xây dựng không phép và đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận nhưng chưa được chấp nhận do vướng nhiều quy hoạch, dự án treo tại địa phương. Căn cứ Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Khoản 4 Điều 14, Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 Chính phủ; Điều 8 Quyết định 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/03/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì UBND quận BT đã bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với căn nhà và đất của ông H là không đúng pháp luật. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định 1579 và Quyết định 1356; Buộc UBND quận BT phải bồi thường 100% diện tích 110,7m^2 đất theo đơn giá đất ở là 25.629.000 đồng/m^2 và vật kiến trúc trên đất.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT và Ủy ban nhân dân quận BT trình bày:

Căn nhà số 102 PM do ông H xây dựng không có giấy phép trước ngày 15/10/1993. Theo Bản đồ 299/TTg, Bản đồ Địa chính chính quy Phường 22 và Bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thì căn nhà có diện tích đất khuôn viên là 110,7m^2, trong đó: Trong ranh dự án Kiểm soát triều rạch VT là 11,30m^2 đã được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1812/QĐ-UB ngày 13/5/2005 của UBND quận BT; Trong ranh dự án tuyến đường sắt đô thị BT – ST là 65,10m^2 thuộc một phần thửa 240, tờ bản đồ số 2 do Lữ đoàn 171 đăng ký sử dụng theo Chỉ thị 299/TTg; Ngoài ranh dự án tuyến đường sắt đô thị BT – ST là 34,3m^2 thuộc một phần thửa 240, tờ bản đồ số 2 do Lữ đoàn 171 đăng ký sử dụng theo Chỉ thị 299/TTg.

Căn cứ Khoản 3, Điều 7, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai 2003; điểm d Khoản 4 Mục A; Khoản 2 - B.1 và khoản 7 - B.2 Mục B Phần II; điểm a và điểm b Khoản 2 Mục C Phần VII Phương án 109 và Công văn số 7549/UBND-ĐTMT ngày 04/12/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp của ông H, Chủ tịch UBND và UBND quận BT không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thu H1 và ông Đỗ Thanh T trình bày: Thống nhất ý kiến của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 873/2018/HC-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính; Điều 138 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết 326/UBTVQH12 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Đỗ Đức H về yêu cầu hủy Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND quận BT về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà 102 đường PM (số cũ 5K NTT), Phường 22, quận BT của ông Đỗ Đức H – bà Nguyễn Thị H2 và Điều 2 Quyết định 1356/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của Chủ tịch UBND quận BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Đức H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/7/2018, ông Đỗ Đức H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Trước khi bị thu hồi thì ông H sử dụng 110,7m^2, trong đó có 36,9m^2 được XNLH BS giao, phần còn lại đã sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp, được UBND Phường 22, quận BT xác nhận. Vì vậy, khi thu hồi Nhà nước không đền bù mà chỉ hỗ trợ 30% là không đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận đơn khởi kiện của ông H, hủy Quyết sịnh số 1579/QĐ-UBND của UBND quận BT và hủy Quyết định số 1356/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đất do ông H sử dụng có nguồn gốc một phần do XNLH BS giao (36,9m^2), phần còn lại là lấn chiếm. XNLH BS giao đất không đúng thẩm quyền, để người dân lấn chiếm nhưng đất vẫn thuộc Nhà nước quản lý. Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và quy định của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì trường hợp đất lấn chiếm không được bồi thường. Tuy nhiên, ông H sử dụng đất trước 15/10/1993 nên UBND quận BT hỗ trợ 30% giá đất ở là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ông H sử dụng đất ổn định, liên tục, không có tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính được chính quyền địa phương xác nhận nên thuộc trường

hợp được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Việc ông H chỉ được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở là không đúng quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy quyết định bị khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về trường hợp bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất" và giải quyết là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Ông Đỗ Đức H kháng cáo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định bị khiếu kiện: Quyết định số 1579/QĐ-UBND của UBND quận BT có nội dung về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà 102 đường PM (số cũ 5K NTT), Phường 22, quận BT của ông Đỗ Đức H – bà Nguyễn Thị H2. Quyết định 1356/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Đức H đối với Quyết định số 1579/QĐ-UBND. Các quyết định trên được ban hành đúng quy định tại Điều 138 Luật Đất đai năm 2003; điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại Quyết định 1578/QĐ-UBND của UBND quận BT có nội dung thu hồi diện tích 110,7m^2 thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 88, Phường 22 của ông H, bà H2. Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định tại bản vẽ hiện trạng vị trí số 1043-02 do Công ty Cổ phần Đo đạc-Xây dựng -Dịch vụ-Thương mại ĐVA lập ngày 12/5/2009. Trong tổng diện tích 110,7m^2 nêu trên, có 11,3m^2 nằm trong dự án Kiểm soát triều rạch VT, 39,60m^2 là diện tích được cấp và diện tích đang sử dụng 59,80m^2.

[3.2] Đối với 11,3m^2 nằm trong dự án Kiểm soát triều rạch VT đã được giải quyết bồi thường theo Quyết định 1812/QĐ-UBND ngày 13/5/2005 của UBND quận BT và Quyết định 5439/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng. Đối với diện tích 39,60m^2 (lô đất có ký hiệu 5K dãy trước khu Cư xá CL) được XNLH BS cấp theo Quyết định số 77/QĐ ngày 29/6/1991 của Tổng Giám đốc Xí nghiệp BS. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm 1 Phần III Phương án số 109/PA-UBND ngày 13/4/2009, đã được phê duyệt tại Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 15/4/2009 của Chủ tịch UBND quận BT để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí

Minh, tuyến BT – ST, quy định về đơn giá đất ở vị trí mặt tiền đường PM (đoạn từ hầm chui đến cầu BL) là 22.085.000đồng/m^2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.3] Tại Đơn đề nghị giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do ông H lập ngày 22/10/2003, được UBND Phường 22 xác nhận ngày 20/11/2003 và Tờ tường trình nguồn gốc đất ngày ngày 28/10/2004 được UBND Phường 22 xác nhận ngày 28/10/2004 (bút lục 133, 134) đều thể hiện ông H sử dụng 120m^2 đất từ 1991, không có tranh chấp. Tại Công văn số 23/BS-HC ngày 14/01/2010 của XNLH BS (bút lục 105), có nội dung: Năm 1991, XNLH BS đã bố trí dãy K, Cư xá CL, Phường 22, quận BT làm khu gia đình và cấp đất cho 8 hộ gia đình cán bộ công nhân viên để xây dựng nhà ở. Khu đất này nằm ngoài khu quy hoạch đất an ninh quốc phòng mà Xí nghiệp đã đăng ký và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, có căn cứ xác định ông H đã sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp từ trước 15/10/1993, không bị xử lý vi phạm hành chính. Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng 59,80m^2 có nguồn gốc là do Bộ Tư lệnh Hải quân giao cho XNLH BS quản lý là không chính xác. Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì hạn mức đất ở tại quận BT là 160m^2. Diện tích 59,80m^2 do ông H sử dụng không vượt quá hạn mức đất ở nêu trên nên thuộc trường hợp được bồi thường 100% đất ở.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là không chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Điểm a, khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 6 Điều 8 Quyết định 17/2008/QĐ-UBND ngày 14/03/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Điểm a, khoản 2 Điều 15 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị Quyết 326/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Đức H.

2. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 873/2018/HC-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đức H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận BT về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà 102 đường PM (số cũ 5K NTT), Phường 22, quận BT của ông Đỗ Đức H và bà Nguyễn Thị H2 và Điều 2 Quyết định 1356/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Đức H đối với việc bồi thường 30% giá trị đất ở đối với diện tích

59,8m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận BT.

4. Buộc Ủy ban nhân dân quận BT thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai trong việc bồi thường cho ông Đỗ Đức H đối với diện tích 59,8m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận BT.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đức H về việc yêu cầu bồi thường 11,7m^2 và 39,6m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận BT theo giá đất 25.629.000 đồng/m^2.

6. Về án phí:

6.1 Án phí sơ thẩm: Ủy ban nhân dân quận BT và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận BT, mỗi đương sự phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm. Ông Đỗ Đức H không phải chịu và được trả lại 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2016/0031350 ngày 12/10/2016 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

6.2 Án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Đức H không phải chịu và được trả lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0049134 ngày 19/7/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 14 tháng 6 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu: VP, hồ sơ 15b, (ÁN TTT)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Đức Phương